

Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày: 26-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày yêu cầu: Tháng 10/2021 đến tháng 3/2022, ông Nguyễn Hoàng A có thuê xáng ông T vô mức ao nuôi tôm công nghiệp với tổng số tiền là 676.000.000 đồng, ông Hoàng A đã trả được 376.000.000 đồng, còn thiếu lại 300.00.000 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Hoàng A có viết giấy nợ và hứa đến tháng 7/2022 sẽ trả dứt điểm. Đến thời hạn trả tiền

nhưng ông Nguyễn Hoàng A không thực hiện đúng lời hứa. Nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Hoàng A đều hứa lần hứa lượt mà không trả. Từ những lý do trên, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng A phải trả cho ông số tiền còn thiếu là 300.000.000 đồng.

Lãi suất không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày ý kiến: Năm 2021 ông có thuê đất ông Trần Văn S và Trần Văn T1 ở ấp D, xã H để nuôi tôm công nghiệp. Ông thuê xáng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T để múc ao làm hầm tôm hết thảy 02 khu nuôi tôm với giá 676.000.000 đồng và trả được 376.000.000 đồng hiện còn nợ 300.000.000 đồng, ông có ghi biên nhận ngày 05/3/2022. Do làm ăn không hiệu quả nên chưa trả được, nay đồng ý trả cho vợ chồng ông T số tiền nợ 300.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy P trình bày: Năm 2021, ông Hoàng A thuê đất nuôi tôm công nghiệp, ông Hoàng A thuê xáng vợ chồng bà để làm hầm nuôi tôm công nghiệp, tổng cộng làm 04 ao nuôi. 03 ao lắng, 01 ao xử lý nước thải, tổng giá trị hơn bảy trăm triệu đồng, có trả một phần còn nợ 300.000.000 đồng và có ghi biên nhận năm 2022. Sau đó bà có nhắn tin trên Zalo cho ông Hoàng A đòi nhiều lần, ông Hoàng A hứa từ từ sẽ trả nhưng đến nay chưa trả.

Nay yêu cầu ông Hoàng A trả cho vợ chồng bà khoảng tiền nợ 300.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Minh T2 nói khoảng tiền ông Hoàng A nợ vợ chồng bà là không có thật, nợ không, ông T2 nói sai, nếu sau này ông bà có bị thiệt hại bà sẽ khởi kiện ông T2 sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Hoàng A thanh toán số tiền còn nợ 300.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

Bà P trình bày: Yêu cầu ông Hoàng A thanh toán số tiền còn nợ cho vợ chồng bà, chứng cứ là biên nhận và tin nhắn Zalo qua lại giữa đôi bên.

Bị đơn có đơn xin vắng khi xét xử, đồng thời đồng ý trả số tiền còn nợ theo đơn khởi kiện cho vợ chồng ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có kiến nghị.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn và người liên quan 300.000.000

đồng; Án phí miễn toàn bộ cho bị đơn, vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; Nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T khởi kiện ông Hoàng A yêu cầu thanh toán tiền công xáng mức làm hầm nuôi tôm công nghiệp, quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Ông T khởi kiện cho rằng ông Hoàng A nợ tiền xáng mức chưa trả, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T.

Xét yêu cầu của ông T khởi kiện yêu cầu ông Hoàng A thanh toán tiền xáng mức hầm nuôi tôm còn nợ 300.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 05/3/2022. Thấy rằng tại bản tự khai ngày 11/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng A thừa nhận còn nợ ông T số tiền đúng như trình bày ông T và đồng ý thanh toán (bút lục số 23), việc thừa nhận nợ phù hợp với tài liệu chứng cứ do phía ông T cung cấp (bút lục số 28); căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Từ những nhận định trên có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoàng A có nợ tiền ông Nguyễn Văn T là có thật, nên buộc thanh toán là phù hợp.

Đối với khoản tiền nợ 300.000.000 đồng ông Hoàng A nợ là nợ vợ chồng ông T, do đó buộc ông Nguyễn Hoàng A thanh toán cho vợ chồng ông T là phù hợp. Chậm trả còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, giữa ông T và ông Hoàng A thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Trong thời gian chờ ra quyết định công nhận thì ông Nguyễn Minh T2 có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án cho rằng ông Hoàng A vận động người thân đi kiện nên không đảm bảo quyền lợi của ông mà ông đã khởi kiện ông Hoàng A trước đó. Tòa án đã làm việc với ông T2 thì ông xác định có nghe ông Hoàng A nói nợ ông T 100.000.000 đồng, còn thực tế thiếu bao nhiêu thì không xác định được, trường hợp đối chất ông Hoàng A không thừa nhận có nói thì ông cũng không

chứng minh được, nên không yêu cầu Tòa án xác minh ông xin rút lại yêu cầu xác minh đối với tranh chấp giữa ông T và ông Hoàng A. Do ông T2 rút yêu cầu nên Tòa án không cần xác minh thu thập thêm, như đã phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T, buộc ông Hoàng A thanh toán số tiền còn nợ theo biên nhận là phù hợp.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí có giá ngạch.

Nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, khoản 2 Điều 515, Điều 519 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, về việc khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A thanh toán tiền thuê xáng mức ao nuôi tôm công nghiệp.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thúy P số tiền còn nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông T, bà P có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông Hoàng A chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng A.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 3.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014157 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính